TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-01-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con giữa bà C và ông Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trịnh Thị Mai Hương

2- Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyến- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 173/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1989, có mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 4, xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoành Đ, sinh năm 1979, có mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 4, xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-8-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị C trình bày: Về hôn nhân: Bà C đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Hoành Đ tại Ủy ban nhân xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 21-10-2008 (Giấy đăng ký số 61). Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn

do ông Đ gia trưởng, kỷ tính về tiền bạc, không quan tâm vợ con, thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến giữa năm 2019 vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn ở chung một nhà. Ông Đ chỉ sửa đổi tính tình khi bà C có đơn xin ly hôn nên bà C không tin tưởng. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng Ph, sinh ngày 12-01-2009 và Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 22-9-2015 đang sống cùng vợ chồng, nếu ly hôn bà C yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-11-2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Hoành Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đ thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Lê Thị C trình bày là đúng. Đến giữa năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do công việc kinh doanh vận tải thất bại và khi chuyển sang kinh doanh gỗ do tính chất công việc nên ông Đ có ăn nhậu nhưng vẫn lo gia đình, vợ con, ông Đ không gia trưởng, kỷ tính tiền bạc như bà C trình bày. Ông Đ thấy tình cảm vợ chồng không trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ph và cháu T như bà C trình bày, nếu ly hôn ông Đ đồng ý để bà C nuôi các con và cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại ấp 4, xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định ông bà có một số mâu thuẫn nhưng địa phương không rõ nguyên nhân, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn có nơi cư trú tại xã BL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn yêu cầu ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên xác

định quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Hôn nhân của bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hoành Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, đến giữa năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, ông Đ ăn nhậu dẫn đến vợ chồng có cãi vã. Tuy nhiên, sau đó ông Đ đã sửa đổi, có trách nhiệm với gia đình vợ con, thấy rằng mâu thuẫn của ông bà không trầm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông Đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị C đối với ông Nguyễn Hoành Đ.

2. *Về án phí*: Bà C phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000386 ngày 16-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; bà C đã nộp đủ; ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiển

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.